**BÀI 9**

**TIẾT : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÁC KIỂU CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Học sinh nắm được đặc điểm hình thức, chức năng của các kiểu câu phân loại theo mục đích nói trong câu. Nâng cao hiểu biết và kĩ năng sử dụng TV.

**2. Kĩ năng**

- Rèn cho học sinh kĩ năng sử dụng các kiểu câu phù hợp với hành động nói để thực hiện các mục đích giao tiếp khác nhau. .

**3. Thái độ**

- GD cho hs ý thức lựa yêu thích môn học , có thức ôn tập chuẩn bị kiểm tra.

**II. Chuẩn bị tài liệu**

**1. Giáo viên**

Soạn bài, nghiên cứu bài, đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng, chuẩn bị đồ dùng( bảng phụ).

**2. Học sinh**

Chuẩn bị bài, học bài cũ, sgk,nháp, vở ghi...

**III. Tiến trình tổ chức dạy học**

**Hoạt động 1; Khởi động**

1. **Mục tiêu**

- Tạo tâm thế hứng thú, khơi gợi để học sinh bắt đấu tiết học

- Kích hoạt tri thức nền về kĩ năng nghe, nói, sử dụng tiếng việt

2. Nội dung: học sinh diễn kịch

3. Sản phẩm: vở kịch của học sinh

4. Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên mời nhóm học sinh đã được giao chuẩn bị vở kịch lê diễn trước lớp và đưa ra câu hỏi: “ Trong vở kịch, kiểu câu nào được sử dụng nhiều nhất?Hãy nhắc lại một trong những cau đó?’’

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh lên diễn kịch

+ các học sinh khác xem và lắng nghe để trả lời câu hỏi

- Báo cáo, thảo luận:

+ Học snh trả lời câu hỏi, các học sinh khác bổ sung, nhận xét,

+ Giáo viên quan sát, đánh giá thái độ, khen ngợi học sinh

+ Gv chốt và chuyển ý

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

1. Mục tiêu

- Học sinh năm được đặc điểm hình thức, chức năng của các loại câu chia theo mục đích nói

- Biết cách sử dụng tromg văn bản nói và viết

2. Nội dung: học sinh hoạt động nhóm, cá nhân

3. Sản phẩm: kết quả thảo luận nhóm, câu trả lời cá nhân…, phiếu học tập

4. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **HĐ1. HDHS ÔN TẬP VỀ KIỂU CÂU: NGHI VẤN, CẦU KHIẾN, CẨM THÁN TRẦN THUẬT, PHỦ ĐỊNH.**  - Yêu cầu học sinh nhắc lại đặc điểm hình thức và chức năng của các kiểu câu . | **I. kiểu câu: nghi vấn, cầu khiến, cẩm thán trần thuật, phủ định:**  **1. Lí thuyết:**  +) Câu nghi vấn:là câu có các từ nghi vấn( ai gì, nào, đâu, là gì, ...  - Có chức năng chính là dùng để hỏi, khi viết thường kết thúc bằng dấu chấm hỏi.  + Nó ở đâu ?  + Tiếng ta đẹp như thế nào?  + Ai biết ?  + Nó tìm gì ?  + Cô bạn ở đâu ?  - Trong nhiều truờng hợp, câu nghi vấn không dùng để hỏi mà dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe doạ, bộc lộ t/c cảm xúc...và không cần người đối thoại trả lời.  - Nếu không dựng để hỏi thì trong một số trường hợp, câu nghi vấn có thể kết thúc bằng dấu chấm than, dấu chấm, dấu chấm lửng.  + Câu cầu khiến:  - Câu cầu khiến là câu có những từ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ...nào...hay ngữ điệu cầu khiến, dựng để yêu cầu, ra lệnh, khuyên bảo  - Khi viết câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý kiến không được nhấn mạnh thì cú thể kết thúc bằng dấu chấm.  VD:  Thôi đừng lo lắng – khuyên bảo.  Cứ về đi – yêu cầu.  Đi thôi con. – yêu cầu  +) Câu cảm thán:  - Câu CT có từ cảm thán: Than ôi, hỡi ơi, chao ôi, xiết bao...  - Câu CT dựng để : bộc lộ cảm xúc, kết thúc bằng dấu (!)  - Không dựng câu cảm thán trong văn bản điều hành( hành chính).  - Câu cảm thán xuất hiện chủ yếu trong lời nói hằng ngày hay ngôn ngữ văn chương.  +) Câu trần thuật :không có hình thức của kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, thường để kể thông bỏo, nhận định, miêu tả...  - Ngoài chức năng chính trên đây, câu trần thuật cũng dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ t/c cảm xúc...( vốn là chức năng chính của các kiểu câu khác)  - Khi viết, câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm, nhưng đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.  - Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp.  VD: - Ông ấy là một người tốt.  - Ngay mai cả lớp đi lao động.  +) Câu phủ định: là câu chứa những từ ngữ phủ định như: không, chưa, chẳng, chả, không phải, chẳng phải (là) đâu cú phải (là),.....  - Câu phủ định dựng để :  + Thông báo xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó ( câu phủ định miêu tả)  + Phản bác một ý kiến, một nhận định  ( câu phủ định bác bỏ)  VD: Nó không đi Hà Nội.  Tôi chưa bao giờ chơi thân với nó. |
| - Gọi hs đọc hs đọc yêu bài tập sgk  *H: Xác định các kiểu câu trong đoạn văn?* | 2. Bài tập 1:  - Câu 1 : Trần thuật ghép, có 1 vế phủ định.  - Câu 2 : Trần thuật đơn  - Câu 3 : Trần thuật ghép, vế sau vị ngữ phủ định ( Không nỡ giận ) |
| - Gọi hs đọc và xác định yêu cầu bài tập 2  *H: Đặt một câu nghi vấn dựa vào nội dung câu 2 trong bài tập 1?*  *H: Đăt câu cảm thán chứa một trong những từ như :vui, buồn, hay, đẹp...* | 3. Bài tập 2:  +) Đặt câu nghi vấn :  Những nỗi lo lắng, buồn đau , ích kỉ có thể che lấp bản tính tốt của người ta không?  4. Bài tập 3:  - Chao ôi , gặp lại bạn mình vui quá!  - Chia tay nhau, buồn ơi là buồn! |
| - GV hướng dẫn hs làm bài tập 4  *H: Trong những câu trên câu nào là câu trần thuật , CK ,nghi vấn?*  *H: Câu nào trong số những câu nghi vấn dùng để hỏi ?*  *H: Câu nào trong số những câu nghi vấn trên không được dùng để hỏi ? Nó được dùng làm gì ?* | 5. Bài tập 4:  a. Trần thuật : Câu 1,3,6  - Câu CK : 4  - Câu nghi vấn 2,5,7  b. Câu 7 : Nghi vấn dùng để hỏi.  c. Không dùng để hỏi : Câu 2, 5  - Câu 2 dùng biểu lộ sự ngạc nhiên về Lão Hạc . Nó được dùng nêu lên điều ngạc nhiên bất ngờ của người nói, bộc lộ cảm xúc.  - Câu 5 dùng để giải thích, quan niệm của ông giáo và của chung mọi người. |
| **HĐ2. HDHS ÔN TẬP HÀNH ĐỘNG NÓI:**  *H: Nêu khái niệm hành động nói? Cách thực hiện hành động nói?* | **II. Hành động nói:**  1. HĐ nói là một hđ thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.  2. Mỗi hành động nói được thực hiện bằng một kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó (cách dùng trực tiếp). Hoặc dùng bằng kiểu câu khác( cách dùng gián tiếp). |
| *H: Xác định hành động nói của các câu đã cho theo bảng.* | 3. Luyện tập:  **Bài tập 1(131)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Câu đã cho | HĐnói | | 1 | Tôi bật cười bảo lão: | Kể- trình bày | | 2 | - Sao cụ lo xa quá thế ? | Hỏi- Bộc lộ cảm xúc | | 3 | - Cụ còn khoẻ lắm chưa chết đâu mà sợ! | Trình bày | | 4 | Cụ cứ để tiền đấy mà ăn, lúc chết háy hay! | Điều khiển | | 5 | Tội gì bây giờ nhịn đói mà để tiền lại ? | Trình bày | | 6 | - Không, ông giáo a! | Trình bày | | 7 | ăn mãi đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu? | Hỏi | |

**4. Củng cố, luyện tập**

H: Nêu đặc điểm hình thức và chức năng của các kiểu câu đã học?.

**5. Hướng dẫn học ở nhà**

- Học bài cũ, chuẩn bị: Ôn tập( tiết 2)

(Làm các bài tập SGK)

Xem thêm các bài soạn Giáo án Ngữ văn lớp 8 hay khác: